TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Luận và bà Đinh Thị Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2023/TLST- HNGĐ ngày 06/7/2023 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXX - ST ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm M, xã Ph, huyện T, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh **Đinh Công H**, sinh năm 1988; ĐKHKTT: Xóm M, xã Ph, huyện T, tỉnh Hòa Bình; địa chỉ hiện nay: Đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số 2, Trại giam số 5, Cục C10, Bộ Công an; thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**. Địa chỉ trụ sở: Số 16x phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn Ng – Giám đốc Phòng Giao dịch huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Thu H – Phó Giám đốc Phòng Giao dịch huyện T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Công H kết hôn ngày 19/9/2006 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Khi đăng ký kết hôn, chị mới biết anh H sinh ngày 07/4/1988 là chưa đủ tuổi nhưng việc đăng ký kết hôn là do Uỷ ban nhân dân xã thực hiện. Anh H khi kết hôn có vi phạm độ tuổi nhưng vợ chồng

chị đã có thời gian hạnh phúc, đã có con chung và tài sản chung do vậy chị đề nghị Toà án công nhận hôn nhân từ lúc anh H đủ tuổi kết hôn. Sau hai năm chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H hay uống rượu dẫn đến say sỉn, không quan tâm chăm lo cho vợ con, vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Năm 2020, anh H bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xử phạt 20 năm tù về hành vi hiếp dâm. Anh H đang chấp hành án tại phân trại số 2, Trại giam Số 5, Cục C10, Bộ Công an; địa chỉ: Thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, khó có thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Công H.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Đinh Thị Hoài Ph, sinh ngày 25/10/2006 và Đinh Công Hoàng H, sinh ngày 30/10/2009. Hiện nay các con chung đang ở với chị. Khi ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và chưa yêu cầu anh Đinh Công H việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tạo dựng được một số tài sản chung như nhà ở, máy phay đất và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ngày 13/9/2017, vợ chồng chị vay Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện T 25.000.000 đồng, mục đích vay chi phí làm nhà, lãi suất 0,25%, hạn trả nợ 13/9/2032. Anh H là người đứng tên sổ vay vốn. Khi ly hôn, chị có nghĩa vụ trả khoản vay này khi đến hạn trả nợ theo sổ vay vốn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2023, bị đơn anh Đinh Công H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn ngày 19/9/2006 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Anh sinh ngày 07/4/1988. Khi đăng ký kết hôn, anh chưa đủ tuổi kết hôn nhưng việc đăng ký kết hôn là do Uỷ ban nhân dân xã thực hiện. Sau đó, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 06 năm, đã có hai con chung và tài sản chung. Do vậy, anh đề nghị công nhận hôn nhân hợp pháp kể từ khi anh đủ tuổi kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh kể từ năm 2012. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thỉnh thoảng cãi nhau, bất đồng, không nhường nhịn nhau, có thời gian anh đi làm xa cũng ít quan tâm đến vợ con do không có điều kiện. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay do anh đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số 2, Trại giam số 5, Cục C10, Bộ Công an; thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá. Nguyện vọng của anh được đoàn tụ gia đình nhưng chị Bùi Thị H cương quyết đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Đinh Thị Hoài Ph, sinh ngày 25/10/2006 và Đinh Công Hoàng H, sinh ngày 30/10/2009. Hiện nay con chung đang ở với chị H. Do đang phải chấp hành án phạt tù nên anh nhất trí chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có tạo dựng được một số tài sản chung nhưng chị Hương không đề nghị Tòa án giải quyết nên anh nhất trí không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ngày 13/9/2017, vợ chồng anh có vay Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện T 25.000.000 đồng, mục đích vay chi phí làm nhà, lãi suất 0,25%, hạn trả nợ 13/9/2032. Anh là người đứng tên sổ vay vốn. Khi ly hôn, anh nhất trí là chị H có nghĩa vụ trả khoản vay này khi đến hạn trả nợ theo sổ vay vốn.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 13/9/2017, Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T có cho hộ anh Đinh Công H và chị Bùi Thị H vay theo chương trình hộ nghèo về nhà ở, số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 0,25%, hạn trả nợ 13/9/2032. Hiện nay chị H vẫn thực hiện việc trả lãi. Chị H và anh H ly hôn, ngân hàng nhất trí chị H có nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi khoản vay khi đến hạn trả nợ theo sổ vay vốn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 và khoản 1 Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Hương. Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Đinh Công H.

Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là Đinh Thị Hoài Ph, sinh ngày 25/10/2006 và Đinh Công Hoàng H, sinh ngày 30/10/2009. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H chưa yêu cầu anh Đinh Công H việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H và anh H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện T số tiền gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh khi đến hạn trả nợ theo sổ vay vốn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Bùi Thị H và anh Đinh Công H kết hôn ngày 19/9/2006, đăng ký tại UBND xã Phú Vinh; có hai con chung là Đinh Thị Hoài Ph, sinh ngày 25/10/2006 và Đinh Công Hoàng H, sinh ngày 30/10/2009; chị H và anh H vay Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện T số tiền 25.000.000 đồng, mục đích vay chi phí làm nhà, lãi suất 0,25%, hạn trả nợ 13/9/2032.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không.

Tài liệu chứng cứ chị Bùi Thị H nộp tại Tòa án: Trích lục kết hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Đinh Công H, đăng ký ngày 19/9/2006 (bản sao); giấy chứng minh nhân dân mang tên Đinh Công H (bản sao); căn cước công dân mang tên Bùi Thị H (bản sao); giấy khai sinh của con Đinh Thị Hoài Ph và Đinh Công Hoàng H (bản sao); sổ vay vốn Ngân hàng C (bản sao); Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư (bản chính).

Tài liệu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp tại Tòa án: Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Ngân hàng C v/v ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án (bản sao), Quyết định số 188/QĐ-NHCS ngày 11/7/2023 của Giám đốc Phòng giao dịch huyện T hội v/v ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án (bản chính) và sổ vay vốn (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết việc ly hôn với anh Đinh Công H; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm M, xã Ph, huyện T, Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Hiện nay, anh Đinh Công H đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số 2, Trại giam số 5, Cục C10, Bộ Công an; thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá. Anh Đinh Công H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*:

Xét về việc kết hôn, chị Bùi Thị H và anh Đinh Công H kết hôn ngày 19/9/2006 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Tuy nhiên, anh H khai

sinh ngày 07/4/1988. Chị H, anh H khai việc đăng ký kết kết là do Uỷ ban nhân dân xã Phú Vinh thực hiện. Tại biên bản xác minh ngày 21/8/2023: Tại số thứ tự 20, trang 14, sổ đăng ký kết hôn mở ngày 01/01/2005 của Uỷ ban nhân dân xã Phú Vinh thể hiện anh H sinh ngày 07/4/1986 nhưng cán bộ thực hiện việc đăng ký kết hôn không còn công tác, hồ sơ giấy tờ liên quan đến đăng ký kết hôn không còn lưu trữ. Kiểm tra sổ đăng ký khai sinh từ năm 1985 đến 1988 thì không có trường hợp khai sinh của anh H. Nhà anh H cũng bị cháy nên không còn giấy tờ gì. Như vậy, giấy chứng minh nhân dân là chứng cứ duy nhất khẳng định anh H sinh ngày 07/4/1988. Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về điều kiện kết hôn thì "Nam từ 20 tuổi trở lên và nữ từ 18 tuổi trở lên". Ngày 19/9/2006, anh Đinh Công H đăng ký kết hôn với chị Bùi Thị H khi mới được 18 tuổi 05 tháng 12 ngày là vi phạm độ tuổi kết hôn. Tuy nhiên, hiện nay cả hai đã đủ tuổi kết hôn, trong thời gian đã qua họ chung sống bình thường, đã có con, có tài sản chung nên không quyết định huỷ việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận hôn nhân hợp pháp kể từ ngày anh H đủ tuổi kết hôn. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn nên Toà án thụ lý vụ án để giải quyết ly hôn theo hướng dẫn tại tiểu mục d1 mục 2 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2020 của Toà án nhân dân tối cao.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Chị H khai hạnh phúc được 2 năm sau đó phát sinh mâu thuân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H hay uống rượu dẫn đến say sỉn, không quan tâm chăm lo cho vợ con dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Năm 2020, anh H bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xử phạt 20 năm tù và sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh H khai vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2012. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thỉnh thoảng cãi nhau, bất đồng, không nhường nhịn nhau, có thời gian anh đi làm xa cũng ít quan tâm đến vợ con do không có điều kiện. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 do anh bị Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình xử phạt 20 năm tù. Mặc dù thời điểm phát sinh mâu thuẫn giữa chị H và anh H khai không trùng nhau nhưng anh H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay và anh H nhất trí ly hôn. Xét thấy, hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì chỉ làm khổ nhau. Do vậy, có căn cứ xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Đinh Công H theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Đinh Thị Hoài Ph, sinh ngày 25/10/2006 và Đinh Công Hoàng H, sinh ngày 30/10/2009. Xét yêu cầu được nuôi con của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo các điều kiện tốt nhất về trông nom, chăm sóc, giáo dục và tránh bị sáo trộn về mặt tâm lý. Hai con đang ở với chị H. Hiện nay, anh H đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp để trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung và đồng ý để chị H trực tiếp nuôi các con chung sau khi ly hôn. Đề nghị của chị H và ý kiến của

anh H phù hợp với nguyện vọng của các con muốn được ở với mẹ, phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay. Do vậy, cần giao các con chung cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Chị Bùi Thị H chưa yêu cầu anh Đinh Công H việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Vợ chồng chị H và anh H có tạo dựng được một số tài sản chung như nhà ở, máy phay đất và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[2.4] *Về nợ chung*: Ngày 13/9/2017, vợ chồng chị H, anh H có vay Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện T số tiền 25.000.000 đồng, mục đích vay chi phí làm nhà, lãi suất 0,25%, hạn trả nợ 13/9/2032. Anh H là người đứng tên sổ vay vốn. Xét thấy, anh H đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trả nợ. Chị H đề nghị trả khoản vay này khi đến hạn trả nợ theo sổ vay vốn và Ngân hàng đồng ý là có căn cứ và phù hợp.

[2.5] *Về án phí*: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và khoản 1 Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị Hương. Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Đinh Công H.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là Đinh Thị Hoài Ph, sinh ngày 25/10/2006 và Đinh Công Hoàng H, sinh ngày 30/10/2009.

Chị Bùi Thị H chưa yêu cầu anh Đinh Công H việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đinh Công H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

4. Về nợ chung: Chị Bùi Thị Hg có nghĩa vụ trả Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện T số tiền gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh khi đến hạn trả nợ theo sổ vay vốn.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002841 ngày 06/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Vinh (Nơi đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 19/9/2006)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Hữu Doanh